

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09 – 8 – 2022

“V/v Ly hôn, người trực tiếp
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Bà Lương Thị Bảo Thùy
2/ Bà Lê Thị Hồng Thanh

- Th ký phiên tòa: Anh Nguyễn Công Nam, Th ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 213/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn, người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Phạm Hoàng Anh Th**, sinh năm 1997. Địa chỉ: 128/6A đường L, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ liên lạc: số 06 đường N, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: **Anh Trần Văn T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ 32, khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn qua tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào năm 2018.

Cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát nhau; anh T thường xuyên đánh đập, chơi game, bỏ mặc vợ con, không chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng,

không thể nào hàn gắn được. Từ tháng 7 năm 2020 đến nay chị và anh T không còn chung sống với nhau, từ đó cho đến nay vợ chồng không còn qua lại gì với nhau. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng không thể nào hàn gắn được và không thể nào tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Trần Phạm Gia A, sinh ngày 02/8/2019. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu An.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th khai chị và anh T không có tài sản chung gì và cũng không vay nợ ai hay cho ai vay nợ.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, gồm: Bản sao chứng minh nhân dân và căn cước công dân, sổ hộ khẩu của nguyên đơn; trích lục khai sinh của con, trích lục kết hôn, giấy ủy quyền, bản sao thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú; bản tự khai, đơn khởi kiện.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng anh T không lên Tòa án làm việc. Anh T có đơn đề nghị vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến của anh T như sau:

Anh T thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, con chung, nợ chung và tài sản chung như chị Th trình bày là đúng. Anh xác định chị Th tự ý bỏ đi không chung sống với anh từ năm 2020 đến nay, anh cho rằng hiện nay anh bị bệnh, không có thu nhập nên không thể cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp cho Tòa án: Văn bản trình bày ý kiến và đơn xin xét xử vắng mặt.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được, gồm: Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn; biên bản xác minh tại chính quyền địa phương; biên bản lấy lời khai bà Hồ Thị Lan; bản tự khai của ông Trần Văn Hùng, đơn xin xét xử vắng mặt của anh T.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và về ý kiến giải quyết vụ án như sau:

Chị Th và anh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp. Nay chị Th xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu được ly hôn. Anh T chỉ cung cấp lời khai 1 lần cho Tòa án, không thể hiện ý kiến anh như thế nào về yêu cầu ly hôn của chị Th, không yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng hàn gắn, anh T chỉ trình bày anh bị bệnh phải nằm viện Thông xuyên nên không có tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị Th đã trầm trọng, anh chị bỏ mặc nhau không còn quan T chăm sóc nhau, không cùng quan tâm gìn giữ, xây dựng gia đình. Anh chị ly thân thời gian đã lâu và không còn muốn hàn gắn, đoàn tụ nữa. Vì vậy, đề nghị tòa án chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh T.

Về con chung: Cháu A sinh ngày 02/08/2019 đến thời điểm hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, từ khi chị Th và anh T không còn chung sống với nhau thì chị Th là người trực tiếp nuôi con cho đến nay. Vì vậy, xét thấy giao cháu A cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết cho sự phát triển toàn diện của cháu A. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

Về nợ chung chị Th khai không có, tài sản chung tự giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Hoàng Anh Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “Ly hôn, người trực tiếp nuôi con khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền: Anh Trần Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại tổ 32, khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, là người bị nguyên đơn khởi kiện nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2018, tại UBND xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ nhiều lý do khác nhau. Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể nào hàn gắn được và không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Từ tháng 7 năm 2020 đến nay nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống và không còn qua lại gì với nhau. Lời khai của cha mẹ của bị đơn ông Hùng và bà Lan trong quá trình giải quyết vụ án cũng xác nhận nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn với nhau, không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, tại

văn bản trình bày ý kiến anh T cũng xác định chị Th tự ý bỏ đi, anh và chị không chung sống với anh từ năm 2020 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về quyền nuôi dưỡng con chung: Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau đến nay cháu Trần Phạm Gia A do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Bên cạnh đó, tại thời điểm xét xử cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan T, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Xét thấy để đảm bảo ổn định đời sống và lợi ích tốt nhất cho con trẻ, cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Th, giao cháu A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng khi chị Th và anh T ly hôn là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai trong thời kỳ hôn nhân, giữa nguyên đơn và bị đơn không tạo lập nên tài sản chung gì; không vay mượn nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Hoàng Anh Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo chị Phạm Hoàng Anh Th và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 235, khoản 2 Điều 244, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hoàng Anh Th, về việc “Ly hôn, người trực tiếp nuôi con khi ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Hoàng Anh Th được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phạm Gia A, sinh ngày 02/8/2019 cho chị Phạm Hoàng Anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên tạm thời anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T, chị Th được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Hoàng Anh Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005546 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TPLK;
- THADS TPLK;
- UBND xã Hiệp Hòa,
TP. Biên Hòa, Đồng Nai (số:
77/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Hoa

